

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: **13/6/2022**
V/v: *Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yên.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Văn Tám**

Bà **Bạc Thị Kiên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lường Văn Đoản**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Hiền** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2022/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lường Thị Q** – Sinh năm 1985 (Có mặt)

Nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Anh **Quàng Văn C** – Sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Quàng Văn C1** – Sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lường Thị Q trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Lường Thị Q và anh Quàng Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3 năm 2003 đến ngày 29 tháng 4 năm 2008 có đi

đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Chúng tôi chung sống hạnh phúc đến tháng 2 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp quan điểm sống bất đồng nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chúng tôi đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không giải quyết được. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay không còn đi lại quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy tôi đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Quảng Văn C.

2. Về con chung: Chị Lường Thị Q và anh Quảng Văn C có 01 con chung là cháu Quảng Văn T sinh ngày 01/01/2004. Cháu T đã trên 18 tuổi nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

3. Quan hệ tài sản:

Tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Chị và anh C có một sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Đ, phòng giao dịch B. Chị và anh C đã gửi tiết kiệm tại Ngân hàng từ ngày 22/06/2017 cho đến nay với số tiền gốc là 155.000.000 đồng, tiền lãi tính từ 23/6/2018 đến ngày 23/06/2021 là 45.374.600 đồng. Chị yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là tiền gửi tiết kiệm trên với số tiền gốc và tiền lãi là 200.374.600 đồng.

Ngày 25/4/2022, Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị Q có ý kiến xin rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, cụ thể không yêu cầu Tòa án giải quyết chia số tiền trong sổ tiết kiệm cả gốc và lãi là 200.374.600 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án anh Quảng Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và cô Lường Thị Q có sống chung như vợ chồng từ tháng 3/2003 đến ngày 29/4/2008 chúng tôi mới đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N. Chúng tôi lấy nhau tự nguyện không ai bị ép buộc lừa dối. Chúng tôi chung sống hạnh phúc đến ngày 20/3/2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là tính tình không hợp, quan điểm bất đồng nên xảy ra cãi vã. Đến ngày 22/3/2021 thì cô Q bỏ đi tôi không biết cô ấy đi đâu. Trong quá trình chung sống với nhau tôi cũng có đánh cô ấy vài lần vì lý do cô Q đi uống rượu. Từ ngày 22/3/2021 đến nay cô Q cũng không liên lạc gì với tôi. Nay cô Q có đơn xin ly hôn tôi nhất trí vì tình cảm không còn.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Quảng Văn T sinh ngày 01/01/2004. Cháu T đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ phải trả: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ lấy về: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Chúng tôi có gửi tiết kiệm số tiền 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng) tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Đ, phòng giao dịch B vào ngày 22/6/2017. Đến cuối tháng 02/2022 sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thì tôi có đi rút số tiền trên được 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Sau khi rút số tiền tiết kiệm, tôi có đưa 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng) từ số tiền tôi rút cho em trai của tôi là Quảng Văn C1, sinh năm 1985, địa chỉ: Bản Noong L, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Còn số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tôi đã tiêu vào việc cá nhân của tôi. Nay cô Q yêu cầu chia số tiền tiết kiệm trên tôi không nhất trí, tôi yêu cầu để lại hết cho con trai tôi là cháu T. Lúc ban đầu cô Q nói với tôi là không lấy một đồng nào nên tôi không nhất trí chia cho cô Q.

Ngày 15/3/2022, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên căn cứ vào Đơn đề nghị đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng của chị Lương Thị Q và xét thấy cần thiết nên Tòa án đã đưa anh Quảng Văn C1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án anh Quảng Văn C1 trình bày:

Tôi là em trai ruột của anh Quảng Văn C. Vào ngày 02/3/2022 anh C đi rút tiền ở Ngân hàng về có đưa cho tôi giữ nhưng đến ngày 03/3/2022 tôi đã đưa lại cho anh C, số tiền cụ thể bao nhiêu tôi không biết. Hiện số tiền đó anh C sử dụng như thế nào tôi không nắm được. Ngoài ra tôi không có lời khai nào khác.

Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ yêu cầu Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Đ cung cấp thông tin đối với sổ tiết kiệm mang tên Quảng Văn C. Ngày 16/3/2022 Ngân hàng đã có văn bản báo cáo về việc cung cấp tài liệu chứng cứ gửi cho Tòa án. Qua rà soát thông tin khách hàng Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Điện B có tài khoản tên là Quảng Văn C số chứng minh nhân dân là 040393611 (Căn cước công dân là 011076004088), ngày 22/6/2017 mở một sổ tiết kiệm tại chi nhánh với số tiền là 155.000.000 đồng. Đến ngày 02/3/2022 đã thực hiện tất toán sổ tiết kiệm với số tiền là 200.376.600 đồng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lương Thị Q với anh Quảng Văn C.

- Về con chung: Không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lường Thị Q về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn.

- Về nợ phải trả, nợ lấy về: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; khoản 3 Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp; trả lại cho chị Q số tiền 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 21/02/2022 chị Lường Thị Q nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Quàng Văn C có địa chỉ tại bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Ngày 25/02/2022 chị Q đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Q theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Lường Thị Q và anh Quàng Văn C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác:

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Quàng Văn C và anh Quàng Văn C1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng anh C và anh C1 vẫn không đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh C và anh C1 không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C và anh C1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Lường Thị Q và anh Quàng Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3 năm 2003 đến ngày 29 tháng 4 năm 2008 có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Như vậy, hôn nhân giữa chị Q và anh C đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên không hiểu nhau và luôn xảy ra mâu thuẫn do

tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có tiếng nói chung. Đến tháng 03 năm 2021 chị Q và anh C sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Hiện chị Q đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy chị Q tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với anh C.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án anh C có đề nghị Tòa án lấy lời khai, về quan hệ hôn nhân anh C đồng ý ly hôn chị Q vì tình cảm không còn. Ngày 25/4/2022 Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C không đến tham gia để trình bày quan điểm của mình. Anh C cũng được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó đã thể hiện anh C chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác, anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng tháng 03 năm 2021 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của chị Q và anh C vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Q và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa chị Lương Thị Q và anh Quàng Văn C.

[2.2] Xét về con chung: Chị Lương Thị Q và anh Quàng Văn C có 01 con chung là Quàng Văn T sinh ngày 01/01/2004, cháu T đã trên 18 tuổi nên chị Q và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về tài sản:

Về tài sản chung: Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tại phiên tòa chị Lương Thị Q xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, cụ thể chị Q rút yêu cầu chia số tiền trong sổ tiết kiệm với số tiền gốc và lãi là 200.374.600 đồng. Việc rút yêu cầu khởi kiện của chị Q là tự nguyện, nên HĐXX đình chỉ xét xử sơ thẩm phần yêu cầu này theo khoản 2 Điều 244 BLTTDS. Chị Q có quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định tại Điều 218 BLTTDS.

Về tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị Q và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lương Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Về ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của kiểm sát viên, là phù hợp nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 18; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lường Thị Q và anh Quàng Văn C.

2. Về con chung: Chị Lường Thị Q và anh Quàng Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản:

- Tài sản chung: Đình chỉ xét xử sơ thẩm phần yêu cầu khởi kiện của chị Lường Thị Q đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

Các đương sự có quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

- Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lường Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST không có giá ngạch và được hoàn trả lại 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSST có giá ngạch chị Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004919 ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự chị Lường Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Quàng Văn C, anh Quàng Văn C1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- Các đương sự;
- UBND xã Noong Luống,, HDB, tỉnh DB;
- Chi cục THADS HDB;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yên

